

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH LAI CHÂU**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/ 2019/ HS-ST
Ngày: 19/ 11 / 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH LAI CHÂU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Lò Thị Chiến

Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Ngọc Sáng, Ông Giàng A Linh

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông La Văn Xôm - Kiểm sát viên .

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2019/TLST-HS, ngày 05/11/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/ QĐXXST-HS ngày 07/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò A H**, tên gọi khác: không, giới tính:Nam, Sinh năm 1992. Xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản A, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mảng; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12. Con ông: Lò A Đ, đã chết và con bà: Phấn Mì P, sinh năm 1973, trú tại bản A, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu. Anh chị em ruột: Bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ; Bị cáo chưa có con.

Tiền sự: Không.Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án, tại bản án số 16/ 2012/HS-ST, ngày 06/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện M, áp dụng khoản 1, 5 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2, Điều 46, Điều 20, Điều 53 xử phạt bị cáo Lò A H 30 tháng tù về tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Đến ngày 02/6/2015 bị cáo Lò A H tiếp tục phạm tội; Tại bản án số 53/2015/HS-ST ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện M áp dụng khoản 1, Điều 194, điểm p, khoản 1, Điều 46, điểm g, khoản 1, Điều 48 xử phạt bị cáo Lò A H 03 năm 06 tháng tù về tội : “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 02/10/2018 bị cáo Lò A H chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, bị cáo chưa được xóa án tích, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm

đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2019, hiện nay bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2.Họ và tên: **Lò A D**, tên gọi khác: không, giới tính: Nam; Sinh năm 1993. Tại xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản A, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mảng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông: Lò A Đ, đã chết và con bà: Phấn Mì P, sinh năm 1973, trú tại bản A, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu. Anh chị em ruột: Bị cáo có 04 anh em bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, bị cáo chưa có con.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2019, hiện nay bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*Người bị hại: Anh Chúng Mạnh L, Sinh năm 1988, Địa chỉ: Bản H, Thị xã M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Thào A T, sinh năm 1981, địa chỉ: Bản P, xã H, huyện N, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa.

Sùng A D, sinh năm 1995, địa chỉ: Bản A, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ sáng ngày 12/7/2019, tại nhà ở của Lò A địa chỉ bản A, xã P, huyện M. Lò A H, sinh năm 1992, rú em trai Lò A D, sinh năm 1993 đi lấy trộm đầu máy nổ tại công trình thi công rãnh thoát nước đường dân sinh tại bản A, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu. Công trình trên do anh Chúng Mạnh L, sinh năm 1988, trú tại bản H, thị xã M, tỉnh Đ thi công, xây dựng. Khi được Lò A H rú, thì Lò A D đồng ý cùng Lò A H đi xuống vị trí máy trộn bê tông có gắn cố định bằng dây thép 01 đầu máy nổ màu đỏ, loại máy 8. H và D dùng tay tháo dây thép, cùng nhau bê đầu máy nổ đặt xuống đất. Sau đó H và D về nhà ở của H lấy xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER F1, màu xanh trắng, biển kiểm soát 27B1 - 482.00 mà trước đó H mượn của Sùng A D, sinh năm 1995 trú cùng bản (là em rể của H và D), rồi quay lại chỗ để đầu máy nổ, đặt đầu máy nổ lên yên xe, dùng túi nilon màu xanh che lại. D ngồi phía sau giữ đầu máy nổ, còn H điều khiển xe mô tô, chở máy nổ đến bán cho Thào A T, sinh năm 1981, trú tại bản P, xã H, huyện N, tỉnh Lai Châu với số tiền 350.000 đồng (H và D không nói cho Tòa biết đầu máy nổ trên là do H và D trộm cắp mà có). Số tiền bán đầu máy nổ, H và D mua gạo hết 250.000 đồng, mua xăng hết 50.000 đồng còn 50.000 đồng H tiêu xài cá nhân hết. Việc H và D sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện chở đầu máy nổ đi bán, Sùng A D không được biết. Theo đơn trình báo của người bị hại anh Chúng Mạnh L, Công an xã P phối hợp với Công an huyện M đã tiến hành điều tra, quá trình điều tra các bị cáo

Lò A H và Lò A D đã thừa nhận hành vi trộm cắp 01 chiếc đầu máy nổ của công trình anh Chúng Mạnh L. Vật chứng thu giữ 01 chiếc đầu máy nổ đầu 8, màu đỏ; 01 túi nilon màu xanh chiều rộng 60cm, chiều dài 70cm đã rách và 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER F1, màu xanh trắng, biển kiểm soát 27B1 - 482.00.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21 ngày 27/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: 01 chiếc đầu máy nổ, màu đỏ, loại máy 8 có giá 3.200.000 đồng.

Bản cáo trạng số 69/ CT- VKS-MT ngày 04/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo: Lò A H về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; Lò A D về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 điều 173 BLHS. Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề xuất với Hội đồng xét xử, xử các bị cáo Lò A H và Lò A D phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Đề nghị áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Lò A H 02 năm 02 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Lò A D từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 586 và Điều 589 BLDS. Người bị hại Chúng Mạnh L, đối với tài sản bị mất anh Chúng Mạnh L đã nhận lại 01 chiếc đầu máy nổ, màu đỏ, loại máy 8 và không có yêu cầu các bị cáo bồi thường về tài sản. Đề nghị HĐXX xem xét đề nghị của anh Thảo A T, tại cơ quan điều tra anh T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường với số tiền 350.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 01 túi nilon màu xanh, kích thước 60cm X70cm (túi bị rách).

Chấp nhận về việc xử lý vật chứng của Cơ quan Điều tra Công an huyện M. Trả 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER F1, màu xanh trắng, biển kiểm soát 27B1 - 482.00 cho anh Sùng A D, sinh năm 1995, trú tại bản A, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu; Trả 01 đầu máy nổ, màu đỏ, loại máy 8 cho anh Chúng Mạnh L, Sinh năm 1988, địa chỉ: Bản H, Thị xã M, tỉnh Điện Biên là phù hợp.

Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2017 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo Lò A H và Lò A D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và nhất trí với bản luận tội, không có ý kiến gì tranh luận.

Đối với Thảo A T, là người mua đầu máy nổ của H và D nhưng Tòa không biết tài sản trên là do các bị cáo trộm cắp, nên Cơ quan điều tra Công an huyện M không xem xét, giải quyết xử lý là phù hợp.

Đối với Sùng A D là người cho Lò A H mượn xe mô tô nhưng Sùng A D không biết H sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội, nên Cơ quan điều tra Công an huyện M không xem xét, đề cập xử lý là phù hợp.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lờ nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan Điều tra. Đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Lò A H, Lò A D lén lút đã cùng nhau trộm cắp 01 đầu máy nổ màu đỏ, loại máy 8 của anh Chúng mạnh L, sinh năm 1988, trú tại bản H, thị xã M, tỉnh Điện Biên có trị giá 3.200.000 đồng. Sau đó mang bán cho anh Thảo A T, sinh năm 1981, trú tại bản P, xã H, huyện N, tỉnh Lai Châu lấy số tiền 350.000 đồng để tiêu sài cá nhân. Như vậy hành vi của các bị cáo H và D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của Lò A H theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 BLHS; Hành vi của Lò A D theo quy định tại khoản 1, Điều 173 BLHS. Điều luật quy định: 1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:* 2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:.....g) Tái phạm nguy hiểm”...*

Các bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng hành vi bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quyền sở hữu tài sản, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, các bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng vì tư lợi cá nhân bất chấp pháp luật đã trộm cắp tài sản của người khác đem bán lấy tiền tiêu sài.

Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn. Đối với Lò A H là người chủ mưu đã rủ em trai Lò A D đi lấy trộm đầu máy nổ tại công trình thi công rãnh thoát nước

đường dân sinh bản A , xã P, huyện M công trình do anh Chúng Mạnh L thi công, xây dựng. Đối với Lò A D là thứ yếu khi được anh trai Lò A H rủ đi cùng, D đều đồng ý đi cùng anh trai xuống vị trí máy trộn bê tông có gắn cố định bằng dây thép 01 đầu máy nổ màu đỏ, loại máy 8, rồi các bị cáo H và D dùng tay tháo dây thép, cùng nhau bê lấy trộn đầu máy nổ. Do đó bị cáo D đã thực hiện đồng phạm theo bị cáo H. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự vì vậy các bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả do hành vi mình đã thực hiện. Hội đồng xét xử cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để dẫn dắt giáo dục đối với các bị cáo.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cần phải xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Xét về nhân thân bị cáo Lò A D chưa có tiền sự, tiền án.

Bị cáo Lò A H tiền sự: Không có; Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án, tại bản án số 16/ 2012/HS-ST, ngày 06/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện M áp dụng khoản 1, 5 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2, Điều 46, Điều 20, Điều 53 xử phạt bị cáo Lò A H 30 tháng tù về tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Đến ngày 02/6/2015 bị cáo Lò A H tiếp tục phạm tội; Tại bản án số 53/2015/HS-ST ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện M áp dụng khoản 1, Điều 194, điểm p, khoản 1, Điều 46, điểm g, khoản 1, Điều 48 xử phạt bị cáo Lò A H 03 năm 06 tháng tù về tội : “Mua bán trái phép chất ma túy” đến ngày 02/10/2018 bị cáo Lò A H chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, bị cáo chưa được xóa án tích. Sau khi trở về địa phương bị cáo không chịu sửa chữa về hành vi của mình, mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật, biết gia đình khó khăn bị cáo không chịu khó làm ăn lương thiện. Tự cải tạo mình trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội mà vẫn đi theo lối cũ. HĐXX cần áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 173 BLHS. Bị cáo Lò A D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ các bị cáo đã khai báo thành khẩn, các bị cáo là người dân tộc Mảng, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, hơn nữa có trình độ học vấn thấp, do vậy nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS. Đối với bị cáo Lò A D phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cần áp dụng điểm i khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS.

Hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 điều 249 BLHS các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, xét thấy hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo khó khăn, không có tài sản, không có điều kiện thi hành, Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Chúng Mạnh L đã nhận lại chiếc đầu máy nổ, màu đỏ, loại máy 8 anh L không có đề nghị xem xét về bồi thường dân sự, nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết. Về đề nghị anh Thảo A T, tại cơ

quan điều tra anh T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường với số tiền 350.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo Lò A H, Lò A D là anh em ruột đều nhất trí trả cho Thào A T với số tiền là 350.000 đồng. HĐXX xem xét đề nghị của anh T là phù hợp cần áp dụng Điều 584; Điều 586 và Điều 589 BLDS.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 túi ni lon màu xanh, kích thước 60cm X70cm (túi bị rách) cần tịch thu tiêu hủy. Chấp nhận về việc xử lý vật chứng của Cơ quan Điều tra Công an huyện M: Trả xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER F1, màu xanh trắng, biển kiểm soát 27B1 - 482.00 cho Sùng A D, sinh năm 1995 trú tại bản A, xã P và Trả 01 đầu máy nổ, màu đỏ, loại máy 8 cho anh Chúng Mạnh L, Sinh năm 1988, ở Bản H, Thị xã M, tỉnh Điện Biên.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2017 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo là dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình các bị cáo khó khăn, nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định.

[8] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm i, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 58 Bộ luật hình sự. Điều 106; Điều 260; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2017 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Lò A H và Lò A D phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Lò A H 02 (Hai) năm 06(Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Lò A D 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Lò A H và Lò A D phải bồi thường cho Thào A T, trú tại bản P, xã H, huyện Nậm N, tỉnh Lai Châu với số tiền là 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 túi ni lon màu xanh, kích thước 60cm X70cm (túi bị rách).
Chấp nhận về việc xử lý vật chứng của Cơ quan Điều tra Công an huyện M: Trả 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER F1, màu xanh trắng, biển kiểm soát 27B1 - 482.00 cho Sùng A D, sinh năm 1995 trú tại bản A, xã P; Trả 01 đầu máy nổ, màu đỏ, loại máy 8 cho anh Chúng Mạnh L, Sinh năm 1988, trú tại bản H, Thị xã M, tỉnh Điện Biên là phù hợp.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò A H và Lò A D.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, điều 7 và điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.”

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, kể từ ngày nhận được quyết định, bản án của Tòa án hoặc được niêm yết tại xã, phường lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu
- VKSND tỉnh Lai Châu
- CA huyện Mường Tè - THAHS
- VKSND huyện Mường Tè
- THADS huyện Mường Tè
- Các Bị cáo
- Người bị hại
- Người cóQLNVLQ
- Lưu hồ sơ

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký
Lò Thị Chiến

